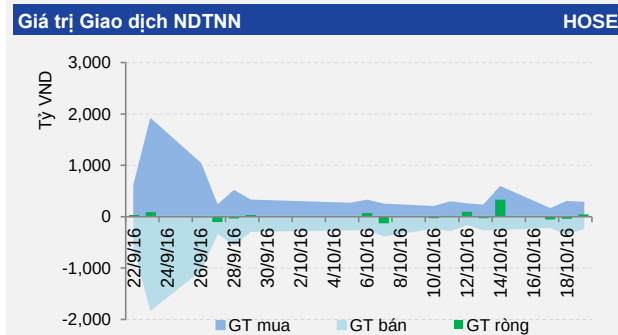
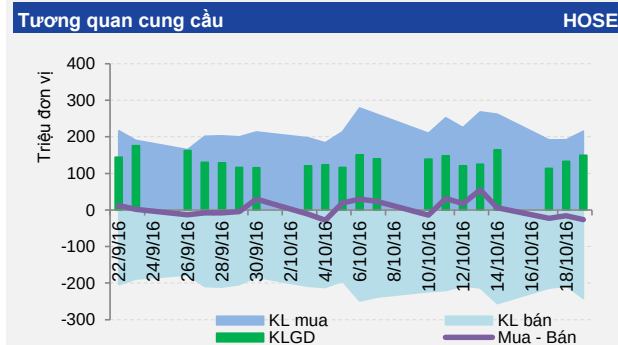


# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 19/10/2016

| Thống kê thị trường | HOSE        | HNX         |
|---------------------|-------------|-------------|
| Index               | 688.89      | 85.54       |
| % Thay đổi          | ↑ 1.01%     | ↑ 0.64%     |
| KLGD (CP)           | 149,228,481 | 49,978,155  |
| GTGD (tỷ đồng)      | 3,163.75    | 473.03      |
| Tổng cung (CP)      | 242,169,290 | 109,393,300 |
| Tổng cầu (CP)       | 215,489,950 | 75,295,800  |

| Giao dịch NĐTNN   | HOSE      | HNX     |
|-------------------|-----------|---------|
| KL bán (CP)       | 7,445,930 | 968,876 |
| KL mua (CP)       | 7,291,290 | 893,203 |
| GTmua (tỷ đồng)   | 273.35    | 16.67   |
| GT bán (tỷ đồng)  | 229.70    | 14.67   |
| GT ròng (tỷ đồng) | 43.64     | 2.00    |



| Ngành Cấp 1         | % thay đổi | P/E  | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|-------|
| Công nghệ Thông tin | ↑ 0.55%    | 10.5 | 1.9 | 0.9%  |
| Công nghiệp         | ↑ 1.25%    | 15.1 | 2.5 | 18.6% |
| Dầu khí             | ↓ -0.61%   | 9.6  | 0.8 | 1.1%  |
| Dịch vụ Tiêu dùng   | ↑ 0.18%    | 21.3 | 5.1 | 2.5%  |
| Dược phẩm và Y tế   | ↑ 0.25%    | 82.3 | 3.3 | 0.7%  |
| Hàng Tiêu dùng      | ↑ 0.38%    | 19.6 | 5.3 | 20.0% |
| Ngân hàng           | ↑ 1.72%    | 14.2 | 1.5 | 7.2%  |
| Nguyên vật liệu     | ↑ 0.79%    | 11.2 | 2.0 | 10.9% |
| Tài chính           | ↑ 1.05%    | 22.4 | 2.5 | 36.9% |
| Tiền ịch Cộng đồng  | ↑ 0.67%    | 18.6 | 2.8 | 1.1%  |
| VN - Index          | ↑ 1.01%    | 16.7 | 3.2 | 87.4% |
| HNX - Index         | ↑ 0.64%    | 11.2 | 1.7 | 12.6% |

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch tích cực của thị trường với sắc xanh được duy trì trên cả 2 sàn trong gần như toàn bộ thời gian. Kết phiên giao dịch, VN-Index tăng 6,87 điểm (1,01%) lên 688,89 điểm; HNX-Index tăng nhẹ 0,54 điểm (0,64%) lên 85,54 điểm. Thanh khoản toàn thị trường đạt 199 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị 3.650 tỷ đồng. Cổ phiếu VIC thỏa thuận với khối lượng hơn 19 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị 824 tỷ đồng. Các cổ phiếu bluechips tăng giá tốt như GAS, HPG, HSG, VIC, FPT..., trong đó ấn tượng nhất là VNM với mức tăng 2.000 đồng (1,39%). Bên cạnh đó các mã cổ phiếu ngành ngân hàng như BID, CTG, VCB, ACB đồng loạt tăng giá và cũng là nhân tố góp phần vào đà tăng chung của thị trường. Đáng chú ý là cổ phiếu SHB hôm nay tăng trần lên mức 5.600 đồng sau khi có thông tin chi ruột của chủ tịch HĐQT đăng ký mua vào 20 triệu cổ phiếu. Cặp đôi cổ phiếu nóng ROS và TCH có diễn biến trái chiều khi ROS tăng trần nhưng TCH giảm sàn sau 10 phiên tăng trần liên tiếp. Độ rộng thị trường ở mức trung tính với 135 mã tăng giá, 44 mã đứng giá, 139 mã giảm giá trên sàn HOSE và 107 mã tăng, 68 mã đứng giá, 102 mã giảm giá trên sàn HNX.

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Theo quan điểm của chúng tôi, áp lực bán sẽ tiếp tục gia tăng khi thị trường thử thách ngưỡng kháng cự 690 điểm trong phiên ngày mai. Nếu bứt phá được qua mốc này, VNIndex có thể hướng tới vùng 700 điểm. Nếu không thành công, thị trường sẽ quay trở lại trạng thái tích lũy với ngưỡng hỗ trợ gần nhất là 683 điểm. Trong trung hạn, xu hướng thị trường là tích cực. Nhà đầu tư ngắn hạn nên duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức vừa phải và tiếp tục theo dõi diễn biến thị trường trong phiên ngày mai trước khi ra quyết định đầu tư. Nhà đầu tư trung hạn có thể xem xét tích lũy thêm cổ phiếu có cơ bản tốt, triển vọng kinh doanh tích cực.

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

Chỉ số bứt phá mạnh ngay đầu phiên với mức tăng 5,19 điểm để lên mức 687.21 điểm. Về cuối phiên sáng, áp lực bán giá cao đã làm chững lại đà tăng của chỉ số. Phiên chiều, lực cầu giá xanh tốt ở các cổ phiếu bluechips đã giữ vững đà tăng để kết phiên với mức tăng 6,87 điểm lên mức 688,89 điểm. Thanh khoản đạt 149 triệu cổ phiếu tương ứng 3.177 tỷ đồng.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

19/10/2016

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index là: VNM tăng 2.000 đồng, BID tăng 700 đồng, VIC tăng 900 đồng. Ở chiều ngược lại, TCH giảm 2.250 đồng.

## HNX-Index:

Chỉ số mở đầu phiên với mức giảm nhẹ quanh mốc tham chiếu, sau đó với sự tăng điểm của các mã ngân hàng như ACB, SHB đã kéo chỉ số lên sắc xanh kết phiên với mức tăng 0,54 điểm lên 85,54 điểm. Thanh khoản đạt 50 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị 473 tỷ đồng.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index là: ACB tăng 400 đồng, SHB tăng 500 đồng. Ở chiều ngược lại, DGL giảm 2.400 đồng.

## GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị 43,6 tỷ đồng. HPG là mã được mua ròng nhiều nhất với 43,2 tỷ đồng tương ứng với 1 cổ phiếu, tiếp theo là PPC với 2,3 tỷ đồng tương ứng với 159 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SBT là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 29,9 tỷ đồng tương ứng với 1,2 triệu cổ phiếu, tiếp sau là CTD với 7,8 tỷ đồng tương ứng với 41 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị 2 tỷ đồng. DBC là mã được mua ròng nhiều nhất với 3,3 tỷ đồng tương ứng với 85,3 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVS với 3,1 tỷ đồng tương ứng với 145 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VKC là mã bị bán ròng nhiều nhất với 8,3 tỷ đồng tương ứng với 507,7 nghìn cổ phiếu.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

### Xuất siêu 9 tháng của Việt Nam tiến gần ngưỡng 4 tỷ USD

Số liệu thống kê mới nhất của Tổng cục Hải quan cho thấy, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tính từ đầu năm 2016 đến hết tháng 9 đạt 253,44 tỷ USD, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm ngoái, tương ứng tăng gần 9,5 tỷ USD. Như vậy, trong 9 tháng đầu năm nay, Việt Nam đã xuất siêu khoảng 3,72 tỷ USD.

### Chính phủ đề xuất giảm 49 ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư, kinh doanh giảm số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện còn 218; giảm 49 ngành, nghề so với hiện hành.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index kết phiên với cây nến xanh lớn thể hiện tâm lý tích cực của nhà đầu tư trong phiên. Chỉ số đóng cửa ở trên đường MA5 (685 điểm) và MA10 (683,5 điểm). Điều này cho tín hiệu trong ngắn hạn của VN-Index chuyển từ trung tính sang tích cực với vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 683-685 điểm. Trong trung hạn, xu hướng của VN-Index vẫn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ gần nhất là MA20 (683 điểm) và xa hơn là MA50 (670 điểm). Chúng tôi dự báo xu hướng trong phiên tới của chỉ số VN-Index nhiều khả năng là tiếp tục thử thách mốc kháng cự 690 điểm. Nếu không thành công chỉ số sẽ dao động trong khoảng 683-690 điểm.

### HNX-Index:



HNX-Index kết phiên với cây nến xanh lớn cho thấy tâm lý tích cực của nhà đầu tư trong phiên. Chỉ số đóng cửa ở trên đường MA5 (85,25 điểm) và MA10 (85,15 điểm) cho tín hiệu trong ngắn hạn từ mức trung tính chuyển sang tích cực. Trong trung hạn, xu hướng của HNX-Index là tích cực với ngưỡng hỗ trợ gần nhất là MA20 (84,75 điểm). Chúng tôi dự báo xu hướng của chỉ số HNX-Index trong phiên tới có thể là kiểm tra lại mốc hỗ trợ gần nhất là 85,25 điểm (MA5), nếu mốc kháng cự này trụ vững, nhiều khả năng chỉ số sẽ dao động trong khoảng 85,25-86 điểm.



## TIN TRONG NƯỚC

|                                     |                                                                                                                                                                                                                          |
|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Giá vàng trong nước tăng</b>     | Giá vàng miếng được Tập Đoàn Vàng bạc đá quý DOJI niêm yết ở mức: 35,59 triệu đồng/lượng (mua vào) và 35,65 triệu đồng/lượng (bán ra), tăng 20 ngàn đồng/lượng ở cả 2 chiều mua vào và bán ra so với cuối giờ chiều qua. |
| <b>Tỷ giá trung tâm giảm 9 đồng</b> | Tỷ giá trung tâm giữa Đồng Việt Nam (VND) và Đôla Mỹ (USD) sáng 19/10 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 22.011 đồng, giảm 9 đồng so với hôm qua.                                                                     |

## TIN QUỐC TẾ

|                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Giá vàng thế giới tăng</b>   | Giá vàng giao ngay đứng ở mức 1.262 USD/ounce sau một phiên tăng nhanh từ 1.256 USD có lúc lên tới 1.266 USD/ounce. Giá vàng giao tháng 12 trên sàn Comex New York tăng 6,9 USD lên 1.263,5 USD/ounce. Hiện giá vàng cao hơn 18,8% (+200 USD/ounce) so với đầu năm. Vàng thế giới quy đổi hiện có giá gần 34,2 triệu đồng/lượng, chưa tính thuế và phí.                                            |
| <b>USD giảm, bảng Anh tăng</b>  | Chỉ số US Dollar Index (DXY) giảm 0,1% so với phiên liền trước xuống 97,82 điểm. USD giảm mạnh so với bảng Anh xuống mức: 1,2293 USD đổi 1 bảng Anh, so với mức 1,2187 USD đổi 1 bảng Anh cùng giờ phiên liền trước. USD giảm nhẹ so với yen Nhật xuống: 103,83 yen đổi 1 USD so với 103,85 yen đổi 1 USD. USD tăng so với euro lên mức: 1 euro đổi 1,0987 USD, so với mức: 1 euro đổi 1,1003 USD. |
| <b>Giá dầu thế giới tăng</b>    | Giá dầu WTI kỳ hạn đang giao dịch tại 50,89 USD/thùng, tăng 60 cent hay 1,19%, so với đóng cửa phiên trước. Giá dầu thô Brent kỳ hạn ở mức 52,27 USD/thùng, tăng 59 cent hay 1,14%                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>Chứng khoán Mỹ tăng điểm</b> | Chỉ số Dow Jones tăng 75,54 điểm tương ứng 0,42% lên mức 18.161,94 điểm, chỉ số Nasdaq tăng 44.01 điểm tương ứng 0,85% lên mức 5.243,84 điểm và chỉ số S&P 500 tăng 13,10 điểm tương ứng 0,62% lên mức 2.139,60 điểm.                                                                                                                                                                              |

**DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ**

| Mã CP | Ngày mua   | Vùng giá khuyến nghị mua | Giá hiện tại | Hiệu suất | Stoploss | Mục tiêu | Thời gian khuyến nghị | Ghi chú                   |
|-------|------------|--------------------------|--------------|-----------|----------|----------|-----------------------|---------------------------|
| FPT   | 16/09/2016 | 43-44                    | 43.85        | 1.98%     | 39-40    | 58-60    | 3 tháng               | Khuyến nghị theo FA và TA |
| BFC   | 21/09/2016 | 35-36                    | 36.3         | 3.71%     | 32-33    | 49-50    | 3 tháng               | Khuyến nghị theo FA và TA |
| KBC   | 30/09/2016 | 18-19                    | 17.95        | -0.28%    | 17       | 23       | 3 tháng               | Khuyến nghị theo FA và TA |

**Lưu ý tiêu chí chọn cổ phiếu:**

- Doanh nghiệp có năng lực tài chính tốt, có kết quả kinh doanh tăng trưởng đều qua các quý/năm (hoặc) có chuyển biến nội tại tích cực về năng lực tài chính, KQKD trong ngắn/dài hạn. Ngoài ra các khuyến nghị cũng có thể dựa trên thuần túy phân tích kỹ thuật.

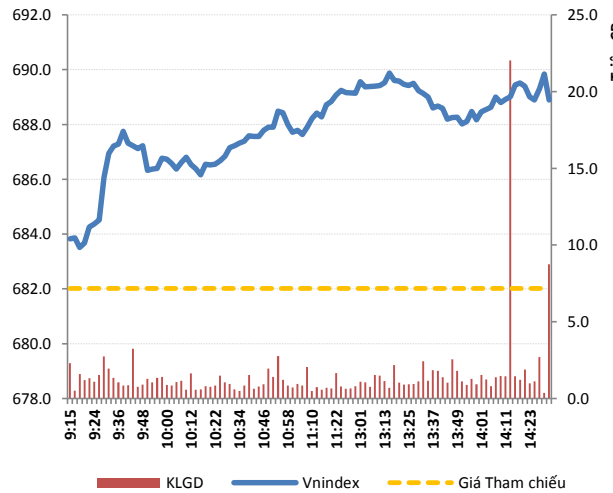
- Các khuyến nghị bán được thực hiện không chỉ dựa trên mức giá mục tiêu, giá stop loss mà còn phụ thuộc tình hình thị trường chung thay đổi (hoặc) cổ phiếu vẫn hoạt động tốt nên chúng tôi tiếp tục cho cổ phiếu chạy, dời mức trailing stop về 7 đến 8% so với giá đóng cửa cao nhất mà cổ phiếu này đạt được (hoặc) cổ phiếu chuyển sang giai đoạn hoạt động kém hiệu quả nên mức stoploss/mức giá mục tiêu bị dời lại.

**CẬP NHẬT TÌNH HÌNH DN TRONG DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ**

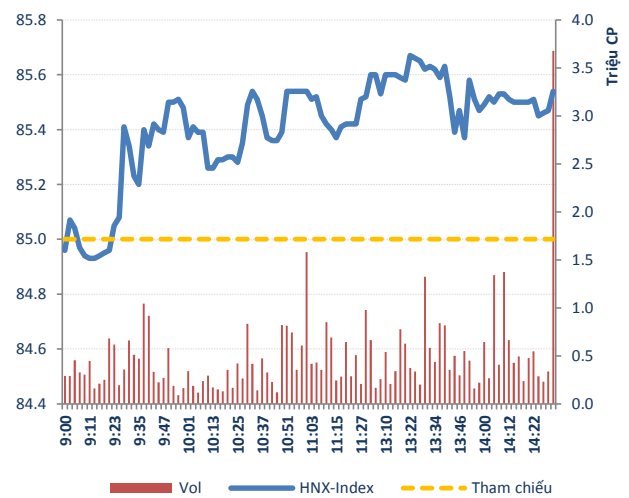


## THÔNG KÊ GIAO DỊCH

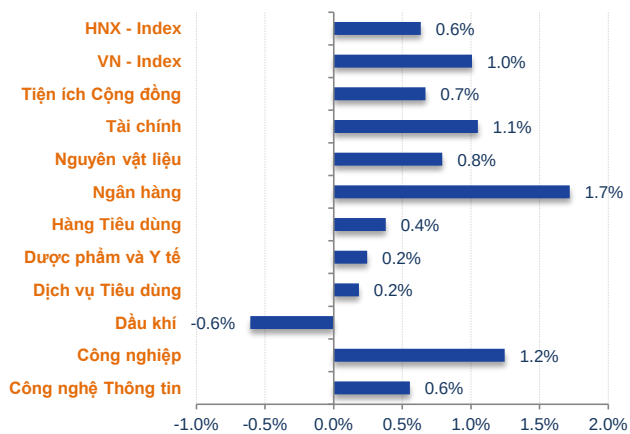
### KLGD và VN-Index trong phiên



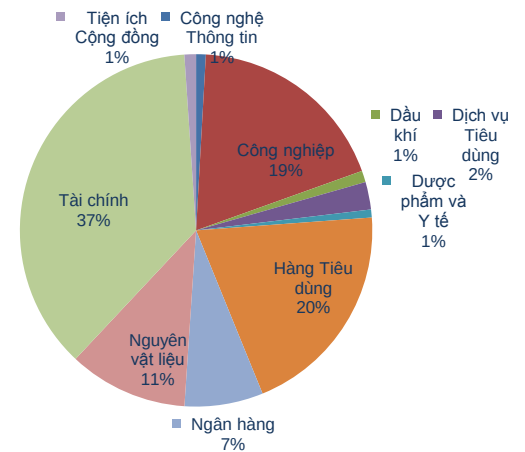
### KLGD và HNX-Index trong phiên



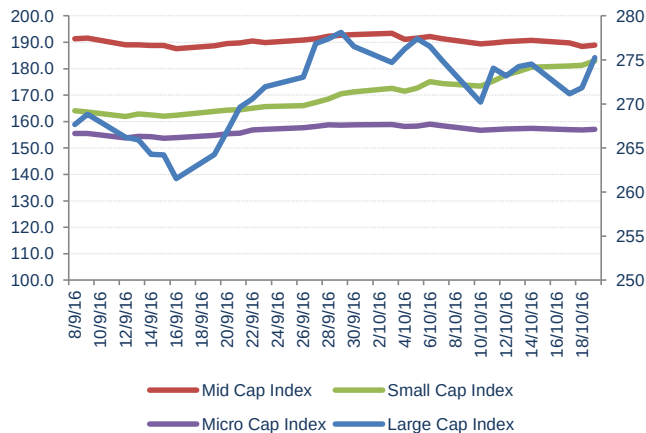
### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



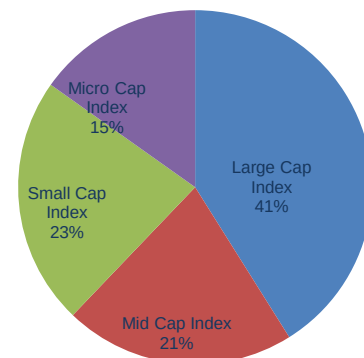
### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ  
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | HPG   | 1,041,990   | SBT   | 1,195,300   |
| 2  | DPM   | 391,780     | HHS   | 1,052,700   |
| 3  | SSI   | 379,750     | VHG   | 233,240     |
| 4  | NLG   | 348,000     | CII   | 204,460     |
| 5  | VNM   | 229,230     | BID   | 172,400     |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | PVS   | 145,000     | VKC   | 507,700     |
| 2  | VIX   | 120,000     | SHN   | 88,800      |
| 3  | HUT   | 110,000     | IVS   | 46,400      |
| 4  | VCG   | 89,500      | VGS   | 30,000      |
| 5  | DBC   | 85,300      | DAD   | 29,600      |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| VIC | 42.9       | 43.8     | ↑ 2.10%  | 19,812,910 |
| FLC | 6.0        | 6.1      | ↑ 0.83%  | 14,759,790 |
| VHG | 3.7        | 3.5      | ↓ -6.76% | 6,520,700  |
| BID | 17.0       | 17.7     | ↑ 4.12%  | 6,237,570  |
| CII | 29.5       | 29.1     | ↓ -1.19% | 6,230,420  |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %         | KLGD       |
|-----|------------|----------|-----------|------------|
| SHB | 5.1        | 5.6      | ↑ 9.80%   | 11,000,613 |
| HKB | 8.0        | 7.2      | ↓ -10.00% | 3,905,300  |
| PVX | 3.1        | 3.0      | ↓ -3.23%  | 3,208,904  |
| SCR | 9.8        | 9.7      | ↓ -1.02%  | 2,331,844  |
| KLF | 2.2        | 2.2      | → 0.00%   | 1,937,577  |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | %       |
|-----|------------|----------|-----|---------|
| CCL | 3.0        | 3.2      | 0.2 | ↑ 7.00% |
| EMC | 10.0       | 10.7     | 0.7 | ↑ 7.00% |
| HAS | 8.0        | 8.6      | 0.6 | ↑ 7.00% |
| BTT | 34.0       | 36.3     | 2.3 | ↑ 6.92% |
| HT1 | 23.9       | 25.6     | 1.7 | ↑ 6.90% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | %        |
|-----|------------|----------|-----|----------|
| KST | 4.3        | 5.5      | 1.2 | ↑ 27.91% |
| G20 | 4.0        | 4.4      | 0.4 | ↑ 10.00% |
| QNC | 6.0        | 6.6      | 0.6 | ↑ 10.00% |
| SHB | 5.1        | 5.6      | 0.5 | ↑ 9.80%  |
| HTP | 12.5       | 13.7     | 1.2 | ↑ 9.60%  |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %        |
|-----|------------|----------|------|----------|
| KAC | 6.3        | 5.9      | -0.4 | ↓ -7.00% |
| VMD | 33.0       | 30.7     | -2.3 | ↓ -6.97% |
| VRC | 10.1       | 9.4      | -0.7 | ↓ -6.97% |
| TVS | 9.5        | 8.8      | -0.7 | ↓ -6.95% |
| HU3 | 10.7       | 10.0     | -0.7 | ↓ -6.92% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %         |
|-----|------------|----------|------|-----------|
| ECI | 15.0       | 13.5     | -1.5 | ↓ -10.00% |
| HKB | 8.0        | 7.2      | -0.8 | ↓ -10.00% |
| CAP | 40.2       | 36.2     | -4.0 | ↓ -9.95%  |
| PIV | 8.1        | 7.3      | -0.8 | ↓ -9.88%  |
| FID | 15.3       | 13.8     | -1.5 | ↓ -9.80%  |

(\*) Giá điều chỉnh





## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD       | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| VIC | 19,812,910 | 5.1%  | 769   | 56.9 | 3.6 |
| FLC | 14,759,790 | 17.0% | 1,995 | 3.0  | 0.5 |
| VHG | 6,520,700  | 2.1%  | 256   | 13.5 | 0.3 |
| BID | 6,237,570  | 15.6% | 1,914 | 9.2  | 1.4 |
| CII | 6,230,420  | 4.8%  | 1,222 | 23.8 | 1.9 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD       | ROE  | EPS | P/E  | P/B |
|-----|------------|------|-----|------|-----|
| SHB | 11,000,613 | 7.4% | 890 | 6.3  | 0.5 |
| HKB | 3,905,300  | 0.7% | 96  | 75.3 | 0.7 |
| PVX | 3,208,904  | 6.6% | 482 | 6.2  | 1.0 |
| SCR | 2,331,844  | 2.3% | 328 | 29.5 | 0.7 |
| KLF | 1,937,577  | 0.3% | 35  | 62.3 | 0.2 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã  | +/-%   | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|--------|-------|-------|------|-----|
| CCL | ↑ 7.0% | 1.0%  | 114   | 28.1 | 0.3 |
| EMC | ↑ 7.0% | 2.7%  | 316   | 33.9 | 1.0 |
| HAS | ↑ 7.0% | 10.3% | 1,623 | 5.3  | 0.5 |
| BTT | ↑ 6.9% | 11.2% | 2,993 | 12.1 | 1.4 |
| HT1 | ↑ 6.9% | 16.2% | 2,287 | 11.2 | 1.7 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%    | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|---------|--------|---------|------|-----|
| KST | ↑ 27.9% | 12.8%  | 2,331   | 2.4  | 0.3 |
| G20 | ↑ 10.0% | 9.5%   | 1,048   | 4.2  | 0.4 |
| QNC | ↑ 10.0% | -15.4% | (1,603) | -    | 0.7 |
| SHB | ↑ 9.8%  | 7.4%   | 890     | 6.3  | 0.5 |
| HTP | ↑ 9.6%  | 5.4%   | 658     | 20.8 | 1.2 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã  | KL mua    | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| HPG | 1,041,990 | 30.2% | 5,512 | 7.5  | 1.7 |
| DPM | 391,780   | 16.9% | 3,922 | 7.5  | 1.3 |
| SSI | 379,750   | 12.3% | 1,735 | 12.2 | 1.5 |
| NLG | 348,000   | 11.2% | 1,927 | 11.8 | 1.4 |
| VNM | 229,230   | 41.9% | 6,233 | 23.4 | 7.7 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua  | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| PVS | 145,000 | 11.0% | 2,920 | 7.2  | 0.9 |
| VIX | 120,000 | 11.4% | 1,256 | 5.0  | 0.6 |
| HUT | 110,000 | 15.8% | 2,282 | 5.6  | 1.0 |
| VCG | 89,500  | 4.5%  | 734   | 23.2 | 1.3 |
| DBC | 85,300  | 22.0% | 6,126 | 6.3  | 1.3 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VNM | 211,912 | 41.9% | 6,233 | 23.4 | 7.7 |
| GAS | 132,212 | 14.8% | 3,337 | 20.7 | 3.3 |
| VCB | 132,038 | 13.6% | 1,746 | 21.0 | 2.0 |
| VIC | 115,532 | 5.1%  | 769   | 56.9 | 3.6 |
| CTG | 64,601  | 10.6% | 1,633 | 10.6 | 1.1 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS    | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|-----|
| ACB | 17,567  | 8.7%  | 1,253  | 15.6 | 1.4 |
| PVS | 9,336   | 11.0% | 2,920  | 7.2  | 0.9 |
| VCS | 8,286   | 51.6% | 11,233 | 12.3 | 5.4 |
| VCG | 7,509   | 4.5%  | 734    | 23.2 | 1.3 |
| NTP | 6,306   | 23.1% | 5,214  | 16.3 | 3.6 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã  | Beta | ROE    | EPS     | P/E | P/B |
|-----|------|--------|---------|-----|-----|
| HTL | 2.36 | 54.5%  | 9,393   | 7.0 | 3.7 |
| QBS | 2.36 | 6.3%   | 747     | 8.0 | 0.5 |
| CSV | 2.34 | 25.2%  | 3,633   | 8.3 | 2.1 |
| TTF | 2.21 | -60.6% | (6,890) | -   | 3.6 |
| HAG | 2.10 | -6.1%  | (1,330) | -   | 0.3 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã  | Beta | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| HKB | 4.58 | 0.7%  | 96    | 75.3 | 0.7 |
| DLR | 3.57 | -6.2% | (597) | -    | 0.9 |
| VMC | 3.40 | 12.1% | 3,046 | 11.5 | 1.4 |
| TFC | 3.12 | 23.2% | 3,003 | 2.8  | 0.5 |
| TAG | 2.92 | 5.4%  | 617   | 98.8 | 5.5 |



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

*Chịu trách nhiệm nội dung:*

**P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiển**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Trần Xuân Bách**  
[bach.tx@shs.com.vn](mailto:bach.tx@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 1A Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (84-4)-3818 1888  
Fax: (84-4)-3818 1688

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM  
Tel: (84-8)-3915 1368  
Fax: (84-8)-3915 1369

**Chi nhánh Đà Nẵng**

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng  
Tel: (84-511)-352 5777  
Fax: (84-511)-352 5779

---